

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

**QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
CỦA VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM**

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-VKHGDVN ngày 19/7/2016 của
Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam)**

Hà Nội, năm 2016

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ CỦA VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 269/QĐ-VKHGDVN ngày 19/7/2016 của
Viện trưởng Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam)*

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định đào tạo tiến sĩ của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam bao gồm: tuyển sinh; chương trình và tổ chức đào tạo; quản lý nghiên cứu sinh; luận án và bảo vệ luận án; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng đối với công tác đào tạo tiến sĩ của Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam (sau đây gọi tắt là Viện).

Điều 2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo những nhà khoa học có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng độc lập nghiên cứu, sáng tạo, khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn giáo dục, hướng dẫn nghiên cứu khoa học giáo dục.

Điều 3. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 3 năm tập trung liên tục.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập trung liên tục được và được Viện chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu là 3 năm với người có bằng thạc sĩ, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại Viện để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Chương II

TUYỂN SINH

Điều 4. Thời gian và hình thức tuyển sinh

1. Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ được tổ chức từ 1 đến 2 lần/năm. Viện trưởng quyết định số lần tuyển sinh và thời điểm tuyển sinh của năm tiếp theo, đăng ký với Bộ Giáo dục và Đào tạo vào tháng 8 hàng năm.

2. Hình thức tuyển sinh: xét tuyển.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải có các điều kiện sau:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành dự tuyển.

Viện trưởng quy định chi tiết các điều kiện về văn bằng, ngành học, điểm trung bình học tập toàn khóa ở trình độ thạc sĩ và điểm bảo vệ luận văn để được dự tuyển vào các chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện.

2. Đề tài luận án đăng ký nghiên cứu phù hợp với hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu của Viện.

3. Có bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng: Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn Viện là cơ sở đào tạo; Đề cương nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ; Kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn.

4. Có ít nhất 01 bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành trước khi hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển. Nội dung bài báo phù hợp với chuyên ngành và đề tài luận án đăng ký dự tuyển của thí sinh.

5. Có hai thư giới thiệu của giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu phải có ít nhất 6 tháng cùng công tác hoặc hoạt động chuyên môn với thí sinh. Những người giới thiệu thể hiện sự cam kết nhận làm cán bộ hướng dẫn nếu thí sinh được tuyển chọn làm nghiên cứu sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá những điểm mạnh và những hạn chế về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

6. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án quy định tại Điều 6 của Quy định này.

7. Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm) giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

8. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí, hoàn trả kinh phí cho nơi đã cấp nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ).

Điều 6. Yêu cầu về ngoại ngữ của người dự tuyển

1. Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ thuộc sáu thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc, Nhật:

- a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ (Phụ lục III theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến hết ngày nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng hình thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIIb;
- b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;
- c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

2. Căn cứ vào yêu cầu của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện trưởng có thể quy định riêng về ngoại ngữ đối với từng chuyên ngành cụ thể.

Điều 7. Thông báo tuyển sinh

Chậm nhất ba tháng trước mỗi kỳ tuyển sinh, Viện niêm yết thông báo tuyển sinh tại Viện, gửi đến các cơ quan đơn vị có liên quan, đăng trên trang web của Viện và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ: duatin@moet.edu.vn) và trên các phương tiện thông tin đại chúng khác. Thông báo tuyển sinh nêu rõ:

- a) Chỉ tiêu tuyển sinh của từng chuyên ngành tuyển chọn;
- b) Kế hoạch tuyển sinh;
- c) Hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ;
- d) Thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả tuyển chọn và thời gian nhập học;
- đ) Danh mục các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu hoặc đề tài nghiên cứu của Viện; danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh theo chuyên ngành đào tạo; các yêu cầu, thông tin cần thiết khác đối với thí sinh trong kỳ dự tuyển.

Điều 8. Hội đồng tuyển sinh

1. Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh gồm Chủ tịch, Ủy viên thường trực và các ủy viên:

- a) Chủ tịch: Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng được Viện trưởng ủy quyền.
- b) Ủy viên thường trực: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng của Viện.
- c) Các ủy viên: Trưởng hoặc Phó các Tiểu ban chuyên ngành của Viện có thí sinh đăng ký dự tuyển.

Những người có người thân (vợ, chồng, con, anh chị em ruột) dự tuyển không tham gia Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: Thông báo tuyển sinh; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển; tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển; tổng kết công tác tuyển sinh; quyết định khen thưởng, kỷ luật; báo cáo kịp thời kết quả công tác tuyển sinh cho Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh:

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh quy định tại Chương II của Quy định này;

b) Quyết định và chịu trách nhiệm toàn bộ các mặt công tác liên quan đến tuyển sinh theo quy định tại Chương II của Quy định này; đảm bảo quá trình tuyển chọn được công khai, minh bạch, có trách nhiệm trước xã hội, chọn được thí sinh có động lực, năng lực, triển vọng nghiên cứu và khả năng hoàn thành tốt đề tài nghiên cứu, theo kế hoạch chỉ tiêu đào tạo và các hướng nghiên cứu của Viện

c) Quyết định thành lập các ban giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh bao gồm Ban thư ký và các Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành. Các ban và tiểu ban này chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh.

Điều 9. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các uỷ viên.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh:

a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;

b) Lập danh sách trích ngang cùng hồ sơ của các thí sinh dự tuyển, trình Hội đồng tuyển sinh xem xét sơ tuyển theo hồ sơ dự tuyển;

c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét sơ tuyển của Hội đồng tuyển sinh, tổng hợp danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh phê duyệt;

d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển; và lập danh sách trích ngang các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ của thí sinh gửi tới các tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành;

3. Trách nhiệm của Trưởng ban Thư ký:

Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh trong việc điều hành công tác của Ban Thư ký.

Điều 10. Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Ban Thư ký trình Danh sách các thành viên của các tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành để Hội đồng tuyển sinh xem xét; và sau đó trình Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định trên cơ sở kết luận của Hội đồng.

2. Mỗi tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là cán bộ khoa học thuộc Viện hoặc ngoài Viện do Viện mời (nếu cần). Thành phần mỗi Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành gồm có Trưởng tiểu ban, Ủy viên thư ký và các ủy viên.

3. Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận (bao gồm cả đề cương nghiên cứu) về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo kết quả đánh giá và gửi kết quả xét tuyển về Ban Thư ký tổng hợp báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 11. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Hội đồng tuyển sinh thông qua qui định về Hồ sơ đánh giá xét tuyển (Phiếu đánh giá hồ sơ dự tuyển và đề cương nghiên cứu, Thang đánh giá, Biên bản đánh giá, Bảng tổng hợp kết quả...).

2. Tổ chức tập huấn và thống nhất về Hồ sơ đánh giá xét tuyển.

3. Các Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành đánh giá, phân loại thí sinh:

a) Đánh giá từng thí sinh qua hồ sơ dự tuyển, trình bày đề cương nghiên cứu và trả lời các câu hỏi đặt ra của các thành viên Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành;

b) Tổng hợp các nhận xét và đánh giá, phân loại thí sinh, lập danh sách thí sinh xếp thứ tự theo điểm đánh giá từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ thí sinh dự tuyển, trình kết quả xếp loại xét tuyển theo từng chuyên ngành cho Hội đồng tuyển sinh.

5. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển theo từng chuyên ngành căn cứ theo tổng chỉ tiêu tuyển sinh đã được phân bổ và kết quả tuyển chọn các thí sinh, trình Viện trưởng phê duyệt.

Điều 12. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Viện trưởng phê duyệt, Viện gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả các thí sinh dự tuyển và gửi giấy gọi nhập học đến các thí sinh được tuyển chọn.

2. Thí sinh được tuyển chọn theo giấy gọi nhập học tập trung tại Viện để nghe phổ biến Quy định đào tạo tiến sĩ của Viện và giới thiệu cán bộ hướng dẫn.

3. Sau khi thí sinh đăng ký nhập học chính thức, Viện trưởng ra quyết định công nhận đề tài nghiên cứu, người hướng dẫn và phê duyệt kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 13. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu về kiến thức chuyên ngành; có kiến thức rộng về các ngành liên quan; hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành; các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành; phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả nghiên cứu trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học; coi trọng rèn luyện phương pháp nghiên cứu khoa học; phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo tiến sĩ gồm ba phần:

a) Phần 1: Các học phần bổ sung;

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan;

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo tiến sĩ do Viện xây dựng trên cơ sở khối lượng nội dung và yêu cầu đã được quy định tại Điều 14, 15, 16 và 17. Chương trình đào tạo tiến sĩ định kỳ hai năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo và các quy định của Viện.

Điều 14. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

1. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt

nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp thì trên cơ sở đối chiếu với chương trình đào tạo hiện tại, Viện yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo Quy định của Viện.

2. Trường hợp cần thiết, nếu chương trình đào tạo trình độ đại học của nghiên cứu sinh còn thiếu những môn học, học phần có vai trò quan trọng cho việc đào tạo trình độ tiến sĩ, Viện trưởng có thể yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung một số học phần ở trình độ đại học.

Điều 15. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và các chuyên đề tiến sĩ

1. Các học phần ở trình độ tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật các kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn; nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu.

Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành.

Mỗi học phần được thiết kế với khối lượng từ 2 đến 3 tín chỉ. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 5 học phần với khối lượng là 12 tín chỉ trong đó có 3 học phần bắt buộc và 2 học phần tự chọn.

2. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa, từ đó đánh giá được các thành công và hạn chế trong nghiên cứu vấn đề liên quan mật thiết đến đề tài luận án qua các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

3. Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành và thi 03 chuyên đề tiến sĩ với khối lượng 6 tín chỉ.

4. Viện trưởng quyết định và công bố công khai trước khi khai giảng khóa đào tạo các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo; cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt; cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh.

Điều 16. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất của lĩnh vực nghiên cứu mà Viện có các yêu cầu khác nhau đối với việc đánh giá hiện trạng nội dung, giải pháp liên quan đến đề tài luận án, yêu cầu điều tra, thực/thử nghiệm để bổ sung các dữ liệu cần thiết, yêu cầu suy luận khoa học hoặc thiết kế giải pháp, thí nghiệm để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là cơ sở quan trọng nhất để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Viện, tiểu ban chuyên ngành và người hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Tiểu ban chuyên ngành, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến thì để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm thanh toán hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ nếu có điều kiện.

Điều 17. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh

vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học giáo dục hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

Điều 18. Tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập các học phần và chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, người hướng dẫn nghiên cứu sinh và tiểu ban chuyên ngành đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ đại học và/hoặc thạc sĩ (nếu có), các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ sao cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo và thực hiện đề tài luận án của nghiên cứu sinh, trình Viện trưởng phê duyệt. Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng xây dựng kế hoạch đào tạo và thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, Viện tổ chức để nghiên cứu sinh hoàn thành các học phần bổ sung và các học phần tiến sĩ theo khóa. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ đại học, thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng tại Viện hoặc tại cơ sở đào tạo khác do Viện gửi đến học.

3. Nghiên cứu sinh hoàn thành thi tiểu luận tổng quan, bảo vệ đề cương chi tiết luận án trong thời gian 12 tháng đầu đào tạo và ba chuyên đề tiến sĩ trong thời gian 24 tháng kể từ khi trúng tuyển.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi sự chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh;

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện khách quan, liên tục trong quá trình đào tạo. Viện trưởng quy định cụ thể thang đánh giá.

5. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của Viện sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

6. Viện trưởng quy định chi tiết việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh; điều kiện để được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan.

Điều 19. Trình độ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây thuộc sáu thứ tiếng như đã nêu tại Điều 6 của Quy định này:

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu khung về ngoại ngữ (Phụ lục III theo Thông thư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/2/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong thời hạn 01 năm tính đến ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp bộ môn, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2 quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIIa, với dạng hình thức và yêu cầu đề kiểm tra ngoại ngữ quy định tại Phụ lục IIIb.

2. Có một trong các văn bằng quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

Điều 20. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo.

2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án. Trong trường hợp đặc biệt, Viện quyết định bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn.

3. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển đến học ở cơ sở đào tạo khác với điều kiện thời hạn học tập theo quy định còn ít nhất là một năm, được Viện đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là nghiên cứu sinh của cơ sở chuyển đến. Viện trưởng xác nhận các kết quả học tập mà nghiên cứu sinh đã hoàn thành (nếu có); Thủ trưởng cơ sở đào tạo chuyển đến quyết định các học phần hoặc các chuyên đề tiến sĩ mà nghiên cứu sinh đó cần bổ sung (nếu có).

4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn.

Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm vụ học tập, nghiên cứu. Nghiên cứu sinh có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của Viện. Thời gian gia hạn không quá 24 tháng. Đối với nghiên cứu sinh không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại Viện để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

5. Viện trưởng xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện bảo vệ luận án qui định tại khoản 2 Điều 28 của Quy định này.

6. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả khi nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn), Viện trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu, thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại Viện.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Viện trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học; được người hướng dẫn, tiểu ban chuyên ngành, Viện trưởng đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo tiến sĩ không được bảo lưu.

8. Viện trưởng quy định chi tiết về thủ tục, trình tự giải quyết và quyết định về các thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh.

Chương IV
GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH
VÀ QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU SINH

Điều 21. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ phải có các tiêu chuẩn sau đây:

1. Có phẩm chất đạo đức và tư cách tốt.
2. Có bằng tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ở chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo tiến sĩ.
3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian tham gia giảng dạy chương trình đào tạo tiến sĩ.

Điều 22. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 21 của Quy định này và các tiêu chuẩn cụ thể sau:

- a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm;
- b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây;
- c) Có các hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu và các công trình nghiên cứu đã được công bố liên quan tới đề tài luận án của nghiên cứu sinh; Có năng lực phát hiện vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra. Có tên trong danh sách các cán bộ khoa học theo từng chuyên ngành đã được thông báo trên website của Viện.
- d) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra;
- đ) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế;
- đ) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh;

g) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người cùng hướng dẫn. Trường hợp có hai người hướng dẫn, Viện quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh nếu được Viện chấp thuận.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả đồng hướng dẫn và kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại Viện xin bảo vệ luận án theo quy định tại khoản 7 Điều 20 của Quy định này.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

6. Khuyến khích mời các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh nếu có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 của Điều này.

Điều 23. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Duyệt tên đề tài luận án, kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ đại học, trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh và đề xuất với Tiểu ban chuyên ngành để trình Viện trưởng quyết định.

3. Lên kế hoạch cụ thể làm việc với nghiên cứu sinh. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.

4. Giúp đỡ nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo lịch trình của tiểu ban chuyên ngành/Viện; chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng; hướng dẫn nghiên cứu sinh nghiên cứu khoa học.

5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi tiểu ban chuyên ngành.

6. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đã đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ nếu luận án đã đáp ứng các yêu cầu quy định.

7. Các nhiệm vụ khác theo quy định của Viện trưởng.

Điều 24. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của Viện và tiểu ban chuyên ngành; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt chuyên môn; phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với người hướng dẫn; dành thời gian tham gia vào các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu khoa học theo; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với người hướng dẫn và Viện theo qui định.

2. Chính xác hóa tên đề tài nghiên cứu: Sau khi có Quyết định trúng tuyển, tập thể hướng dẫn và nghiên cứu sinh cần chính xác lại tên đề tài để Viện ra Quyết định công nhận tên đề tài và phân công cán bộ hướng dẫn chính thức.

3. Bảo vệ đề cương chi tiết luận án: Nghiên cứu sinh phải hoàn thành đề cương chi tiết luận án và bảo vệ trước Hội đồng duyệt đề cương chi tiết luận án. Sau khi hoàn thiện đề cương và chính xác hóa lại tên đề tài (nếu có) theo ý kiến của Hội đồng, Viện ra quyết định công nhận tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh

Hoàn thành các học phần bổ sung, các học phần ở trình độ tiến sĩ, tiểu luận tổng quan, chuyên đề tiến sĩ theo Điều 14, 15 của Quy định này.

Thời gian hoàn thành các nhiệm vụ trên theo khoản 2 và 3 Điều 18 của Quy định này.

4. Nghiên cứu đề tài luận án theo kế hoạch.

5. Đăng tải kết quả nghiên cứu: nghiên cứu sinh phải có ít nhất 2 bài báo (có ý kiến nhận xét của cán bộ hướng dẫn trước khi đăng) đăng trên tạp chí khoa học ngành hoặc chuyên ngành. Ngoài ra, nghiên cứu sinh phải có ít nhất 1 báo cáo khoa học đăng trong Kỷ yếu Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh hàng năm hoặc Hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế, Hội nghị khoa học do Viện tổ chức.

6. Báo cáo các kết quả nghiên cứu đề tài luận án tại seminar khoa học với các thành viên của tiểu ban chuyên ngành và các nhà khoa học trước khi bảo vệ luận án.

7. Bảo vệ luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn và cấp Viện.

8. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được liên hệ hoặc gặp gỡ với các thành viên Hội đồng cấp Viện trước khi bảo vệ luận án; không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ luận án đến các thành viên Hội đồng; không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

9. Báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình theo qui định của Viện.

Điều 25. Tiểu ban chuyên ngành

Mỗi chuyên ngành hoặc nhóm chuyên ngành đào tạo của Viện thành lập một Tiểu ban chuyên ngành. Mỗi Tiểu ban tối thiểu có 5 thành viên, gồm: Trưởng Tiểu ban, Phó trưởng Tiểu ban và các ủy viên.

Viện trưởng quyết định thành lập các tiểu ban chuyên ngành và bổ nhiệm trưởng, phó các tiểu ban trên cơ sở tư vấn của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo và đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ. Trưởng tiểu ban là cán bộ khoa học có uy tín theo ngành hoặc nhóm chuyên ngành đào tạo, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đang là cán bộ cơ hữu và là ủy viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện.

Tiểu ban chuyên ngành có trách nhiệm:

1. Phát triển và trình Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện thông qua trước khi trình Viện trưởng quyết định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, bao gồm: các học phần ở trình độ tiến sĩ; các chuyên đề tiến sĩ; và kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh.

2. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu.

3. Chủ trì seminar khoa học về đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

4. Đề nghị danh sách các cán bộ khoa học tham gia Hội đồng đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp Bộ môn, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

5. Quy định lịch của tiểu ban chuyên ngành về kế hoạch báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học của nghiên cứu sinh, đảm bảo ít nhất một lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu; tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Viện trưởng quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

6. Đề xuất với Viện trưởng phê duyệt danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập mà nghiên cứu sinh phải gửi công bố kết quả nghiên cứu của mình, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 27 của Quy định này

7. Đề nghị Viện trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

Điều 26. Nhiệm vụ của Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng

Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng chịu trách nhiệm giúp Viện trưởng trong việc triển khai các hoạt động:

1. Tổ chức xây dựng và ban hành Văn bản chi tiết quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quản lý nghiên cứu sinh; về luận án, bảo vệ luận án, cấp bằng tiến sĩ và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo tiến sĩ.

2. Xây dựng kế hoạch, đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của Viện theo từng chuyên ngành đào tạo và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các chuyên ngành được phép đào tạo; lập hồ sơ gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký chuyên ngành đào tạo tiến sĩ; giới thiệu và hướng dẫn nghiên cứu sinh thủ tục, quy trình gửi bài công bố kết quả nghiên cứu theo danh mục các tạp chí khoa học chuyên ngành của từng chuyên ngành đào tạo.

4. Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được xác định.

5. Trình Viện trưởng xem xét và ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh; hướng dẫn nghiên cứu sinh xây dựng bản "Đăng ký kế hoạch đào tạo", trình Viện

trưởng ký duyệt và gửi tới nghiên cứu sinh, tập thể hướng dẫn và cơ quan quản lý nghiên cứu sinh để theo dõi và kiểm tra trong quá trình thực hiện; quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

6. Tổ chức đào tạo theo chương trình đào tạo đã được duyệt. Tạo điều kiện để nghiên cứu sinh được đi thực tập, tham gia hội nghị khoa học ở trong nước và nước ngoài.

7. Phối hợp với các đơn vị trong Viện đảm bảo các điều kiện thiết yếu về phương tiện, tư liệu và các điều kiện cần thiết khác phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

8. Tổ chức cho nghiên cứu sinh học và thi các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

9. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của Viện. Huy động đội ngũ cán bộ khoa học đáp ứng các yêu cầu, tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và nghiệp vụ để tham gia các hội đồng đánh giá luận án của nghiên cứu sinh đảm bảo đánh giá công minh, công bằng và khách quan.

10. Quản lý quá trình đào tạo, học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh; quản lý việc thi và cấp chứng chỉ các học phần, bảng điểm học tập; trình Viện trưởng xem xét và cấp giấy chứng nhận cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo, đã bảo vệ luận án tiến sĩ trong thời gian thẩm định luận án; làm thủ tục hồ sơ cấp bằng tiến sĩ và quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

11. Tổ chức cho nghiên cứu sinh báo cáo định kỳ 6 tháng/1 lần bằng văn bản (có xác nhận của tập thể hướng dẫn). Tổ chức cho các tiểu ban chuyên ngành kiểm tra tiến độ đào tạo nghiên cứu sinh 1 lần/1 năm.

12. Tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học định kỳ, các hội thảo khoa học quốc tế cho nghiên cứu sinh.

13. Cung cấp, cập nhật thông tin trên website của Viện toàn văn luận án, tóm tắt luận án, những điểm mới của từng luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) từ khi chuẩn bị bảo vệ; danh sách nghiên cứu sinh hàng năm; danh mục đề tài luận án tiến sĩ đang nghiên cứu; các đề tài nghiên cứu đang thực hiện; danh sách nghiên cứu sinh đã được cấp bằng tiến sĩ.

14. Giúp Viện trưởng thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo và lưu trữ bao gồm:

a) Sau kỳ tuyển sinh, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình và kết quả tuyển sinh, các quyết định công nhận nghiên cứu sinh trúng tuyển;

b) Tháng 10 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo tiến sĩ của Viện, những thay đổi về nghiên cứu sinh trong năm, xác định chỉ tiêu và kế hoạch tuyển nghiên cứu sinh năm sau;

c) Vào ngày cuối cùng của các tháng chẵn, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách trích ngang nghiên cứu sinh bảo vệ trong hai tháng vừa qua.

d) Trước ngày 30/6 và 31/12 hàng năm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện. Hồ sơ báo cáo gồm:

- Báo cáo tổng quan tình hình cấp bằng tiến sĩ của Viện trong thời gian từ sau lần báo cáo trước.

- Danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng.

- Bản sao quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh đã hoàn thành chương trình đào tạo và bảo vệ luận án đạt yêu cầu quy định.

- Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh có tên trong danh sách cấp bằng.

đ) Quyết định trúng tuyển, bảng điểm gốc, hồ sơ bảo vệ luận án các cấp, hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ, quyết định cấp bằng tiến sĩ, sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại cơ sở đào tạo. Tài liệu tuyển sinh, đào tạo và các tài liệu khác được lưu trữ, bảo quản trong thời hạn 5 năm sau khi người học tốt nghiệp. Các bài thi học phần, báo cáo chuyên đề, tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh được bảo quản và lưu trữ đến khi nghiên cứu sinh tốt nghiệp. Việc tiêu hủy tài liệu hết giá trị sử dụng được thực hiện theo quy định hiện hành.

15. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Viện trong đào tạo tiến sĩ và chịu trách nhiệm về toàn bộ các hoạt động đào tạo tiến sĩ tại Viện.

16. Đăng ký kiểm định chất lượng đào tạo với cơ quan có thẩm quyền.

Chương V

LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định tại Điều 17 của Quy định này. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bình luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

Khuyến khích nghiên cứu sinh viết và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

a) *Phần mở đầu*: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lí do chọn đề tài, mục tiêu, khách thể và đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, giả thuyết khoa học, phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu, phạm vi và giới hạn nghiên cứu, những kết quả nghiên cứu mới của đề tài luận án.

b) *Tổng quan về vấn đề nghiên cứu*: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu.

c) *Nội dung, kết quả nghiên cứu* (một hoặc nhiều chương): trình bày cơ sở lý thuyết, lý luận và giải thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và bàn luận.

d) *Kết luận và khuyến nghị*: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; khuyến nghị về những nghiên cứu tiếp theo.

đ) *Danh mục các công trình đã công bố của tác giả* có liên quan đến đề tài luận án trong thời gian nghiên cứu sinh thực hiện kế hoạch đào tạo của mình.

e) *Danh mục tài liệu tham khảo* được trích dẫn và sử dụng trong luận án.

g) *Phụ lục* (nếu có).

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình với Viện văn bản xác nhận vai trò và những đóng góp của nghiên cứu sinh trong công trình nghiên cứu đó và ý kiến của các thành viên trong tập thể cán bộ nghiên cứu đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ lấy bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành và được công bố ít nhất trong hai bài báo trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục các tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê tại địa chỉ <http://scientific.thomsonreuteurs.com/mjl/> hoặc kỷ yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

Trong thời gian học tập ở Viện, nghiên cứu sinh phải có ít nhất 1 bài viết tham gia Hội nghị khoa học của nghiên cứu sinh.

8. Hình thức và bố cục luận án được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xoá.

Điều 28. Đánh giá và bảo vệ luận án

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

a) Cấp Bộ môn;

b) Cấp Viện.

2. Điều kiện đề nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ luận án:

a) Đã hoàn thành trong thời gian quy định luận án, chương trình học tập và các quy định tại Điều 14, 15, 16, 17 và 19 của Quy định này.

b) Luận án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 17 và Điều 27 của Quy định này. Luận án được viết và bảo vệ bằng tiếng nước ngoài khi Viện có khả năng thành lập Hội đồng đánh giá luận án bằng tiếng nước ngoài tương ứng.

c) Tập thể hướng dẫn có văn bản khẳng định chất lượng luận án; nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị cho nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án;

d) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Viện trưởng quyết định về các điều kiện, yêu cầu cụ thể đối với luận án của từng chuyên ngành đào tạo khi đưa ra bảo vệ ở cấp Bộ môn hoặc cấp Viện.

Điều 29. Đánh giá luận án cấp Bộ môn

1. Sau khi nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 28 của Quy định này, trên cơ sở đề nghị của tập thể cán bộ hướng dẫn và ý kiến của Trưởng Tiểu ban chuyên ngành về danh sách dự kiến các cán bộ khoa học có thể tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng đề xuất danh sách Hội đồng, trình Viện trưởng phê duyệt và ký Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn. Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thực hiện việc tổ chức bảo vệ.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó có ít nhất hai nhà khoa học, chuyên gia ở ngoài Viện. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án được gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng đánh giá ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng viết nhận xét và gửi về Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;
- Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên;
- Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp bộ môn là một buổi sinh hoạt khoa học được tổ chức để các thành viên Hội đồng và những người quan tâm có thể tham dự. Các thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện, Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn tổ chức từ một đến nhiều nhất là ba phiên khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung; và tổng thời gian cho phép nghiên cứu sinh hoàn thành và sửa chữa luận án tối đa là 9 tháng kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng phiên thứ nhất. Sau ba lần, nếu luận án chưa được thông qua ở Hội đồng đánh giá cấp Bộ môn, nghiên cứu sinh sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh.

Luận án chỉ được thông qua để đưa ra bảo vệ ở Hội đồng cấp Viện khi đã được hoàn chỉnh trên cơ sở các ý kiến đóng góp của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng cấp bộ môn có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, cá nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc Viện không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan và khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh. Viện trưởng quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn.

8. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cấp Bộ môn cho nghiên cứu sinh phiên thứ nhất (nếu luận án phải tổ chức đánh giá nhiều phiên). Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải thể. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 20 và khoản 2 Điều 28 của Quy định này. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn, Trưởng Tiểu ban chuyên ngành ký xác nhận vào hồ sơ gửi Viện trưởng đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Viện.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh gồm có:

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp Bộ môn, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng;

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và Trưởng tiểu ban chuyên ngành;

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án;

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án;

đ) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ;

e) Bản sao hợp lệ bằng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh;

g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có);

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh;

i) Văn bản xác nhận vai trò và những đóng góp của nghiên cứu sinh trong công trình nghiên cứu của tập thể tác giả và ý kiến của các thành viên trong tập thể cán bộ nghiên cứu đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để

bảo vệ lấy bằng tiến sĩ (nếu nghiên cứu sinh sử dụng các kết quả nghiên cứu thuộc công trình của đồng tác giả);

k) Luận án và tóm tắt luận án;

l) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án; tên chuyên ngành và mã số; tên nghiên cứu sinh và khoá đào tạo; chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn; tên Viện; nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận và thực tiễn, những điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu của luận án; chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh, xác nhận của tập thể cán bộ hướng dẫn.

m) Các tài liệu khác theo quy định của Viện trưởng (nếu có).

Điều 31. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện, Viện trưởng hoặc người được ủy quyền xin ý kiến của hai phản biện độc lập về luận án. Hồ sơ gửi phản biện độc lập do Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thực hiện dưới sự ủy quyền của Viện trưởng. Phản biện độc lập là giáo sư, phó giáo sư hoặc tiến sĩ trong hoặc ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Viện trưởng trong việc xem xét đánh giá chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

2. Danh sách phản biện độc lập là tài liệu mật của Viện. Tiểu ban chuyên ngành, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, chức trách của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Viện trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Viện trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ ở cấp Viện.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp Bộ môn nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và tổ chức bảo vệ lại ở cấp Bộ môn. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Phản biện độc lập có nhận xét gửi về Viện chậm nhất là 3 tháng kể từ khi nhận được hồ sơ và thực hiện đầy đủ những yêu cầu trong thư mời.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp Viện

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện gồm 7 thành viên, bao gồm những nhà khoa học có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; có phẩm chất đạo đức tốt; có uy tín chuyên môn; am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án; có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 5 người, trong trường hợp đặc biệt ít nhất là 2 người; thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng. Số thành viên thuộc Viện không quá 3 người.

2. Hội đồng gồm chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các uỷ viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhận một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng phải là người có năng lực và uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các công trình công bố có liên quan đến đề tài luận án; không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh và những người có quan hệ cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

Điều 33. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp Viện

1. Viện trưởng có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh.

2. Điều kiện tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án phải đảm bảo các nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của Viện, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của Viện, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ (trừ các luận án bảo vệ mật);

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Viện trưởng quyết định và đã được trưng bày ở phòng đọc thư viện của Viện ít nhất 30 ngày trước ngày bảo vệ. Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của Viện và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo (gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn) trước ngày bảo vệ 30 ngày, trừ các đề tài thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và các đề tài bảo vệ mật;

c) Các thành viên Hội đồng phải có nhận xét về luận án bằng văn bản gửi đến Viện 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh;

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bố cục và hình thức của luận án, về nội dung và phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những điểm mới của luận án.

đ) Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt luận án và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

3. Hội đồng không tổ chức họp để đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng;

- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng;
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án;
- d) Vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên;
- đ) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
- e) Không đáp ứng một trong các điều kiện quy định tại khoản 2 của Điều này;
- g) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án. Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

4. Viện trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên Hội đồng không đảm bảo các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định liên quan đến hoạt động của các thành viên Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

5. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải thể. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 7 Điều 20 và khoản 2 Điều 28 của Quy định này. Viện trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ luận án lần đầu. Hội đồng đánh giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Điều 34. Tổ chức bảo vệ luận án

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Những đề tài liên quan tới bí mật quốc gia được tổ chức bảo vệ theo quy định tại Điều 36 của Quy định này.

Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

Viện trưởng quy định cụ thể về thủ tục, trình tự, yêu cầu đối với phiên họp của Hội đồng và đối với việc đánh giá luận án của từng thành viên Hội đồng, cách thức và nội dung đánh giá cụ thể về mức độ đạt được so với các yêu cầu về nội dung, kết quả nghiên cứu và hình thức luận án được thực hiện theo quy định của Viện.

3. Hội đồng phải có Nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng;
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án;
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những kết luận nêu trong luận án;
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án;
- đ) Những thiếu sót về cấu trúc, nội dung và hình thức của luận án;
- e) Mức độ đáp ứng các yêu cầu của luận án;
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- h) Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng và có văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Viện và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 35. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa luận án và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần Hội đồng đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Viện trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời hạn 24 tháng kể ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

5. Viện trưởng quy định chi tiết thủ tục và trình tự tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ lại luận án.

Điều 36. Bảo vệ luận án theo chế độ mật

1. Trong trường hợp đặc biệt, nếu đề tài nghiên cứu liên quan đến bí mật quốc gia, thuộc danh mục bí mật nhà nước của Bộ, Ngành thì Thủ trưởng Bộ, Ngành có văn bản đề nghị Viện trưởng xác định tính chất mật của luận án ngay từ khi bắt đầu triển khai đề sau này có cơ sở xem xét cho luận án bảo vệ theo chế độ mật; quản lý hồ sơ, tài liệu liên quan đến nghiên cứu và thực hiện luận án theo chế độ mật trong suốt quá trình đào tạo. Việc xem xét cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật phải được tiến hành trước khi đánh giá luận án ở cấp cơ sở. Viện phải báo cáo và được Bộ Giáo dục và Đào tạo đồng ý bằng văn bản trước khi tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo chế độ mật.

2. Danh sách Hội đồng đánh giá luận án cấp Bộ môn và cấp Viện, danh sách các cán bộ tham dự ngoài Hội đồng, danh sách những đơn vị và cá nhân được gửi luận án và tóm tắt luận án phải được Bộ, Ngành quản lý bí mật đó đề nghị Viện trưởng xem xét.

3. Khi tổ chức cho một luận án bảo vệ theo chế độ mật, Viện không phải thông báo công khai về buổi bảo vệ của nghiên cứu sinh trên các phương tiện truyền thông. Thời gian và địa điểm bảo vệ chỉ những người có trách nhiệm và những người được phép tham dự biết. Trình tự bảo vệ luận án theo chế độ mật thực hiện như bảo vệ luận án theo chế độ công khai.

4. Số lượng bản thảo luận án và tóm tắt luận án cũng như các bản chính thức phải được xác định và phải đóng dấu mật. Tất cả hồ sơ buổi bảo vệ mật phải được quản lý chặt chẽ theo quy chế bảo mật của Nhà nước.

5. Ngoài các quy định tại các khoản 2, 3, 4 của Điều này, người bảo vệ luận án theo chế độ mật vẫn phải thực hiện các quy định chung đối với nghiên cứu sinh.

Chương VI

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 37. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, Viện gửi báo cáo đến Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó, kèm theo hồ sơ của từng nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Bản sao quyết định của Viện trưởng về việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn và cấp viện;

b) Bản sao biên bản và nghị quyết của từng Hội đồng đánh giá luận án;

c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập;

d) Trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận và thực tiễn của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của cơ sở đào tạo để thẩm định;

b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được chọn thẩm định đảm bảo ít nhất 30% số luận án bảo vệ trong năm của Viện. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ sở đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho Viện các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo:

a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh quy định tại điểm c Điều 7 của Quy định này;

b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh theo chuyên ngành và kết quả xếp

loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều 11 của Quy định này;

c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp Viện của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 2 Điều 30 của Quy định này;

d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập luận án của nghiên cứu sinh theo quy định tại Điều 31 của Quy định này và các bản nhận xét của phản biện độc lập;

đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh quy định tại khoản 3 Điều 40 của Quy định này;

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo;

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành;

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp quy định tại Quy định này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy nhiệm Thủ trưởng cơ sở đào tạo có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 38. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó có ít nhất 4 thành viên chưa tham gia hội đồng đánh giá luận án cấp bộ môn hay hội đồng đánh giá luận án cấp viện được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư; có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ; am hiểu về đề tài và lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh; có công trình công bố về lĩnh vực của đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập hội đồng; có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Người hướng dẫn khoa học không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành; không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; những phát hiện, luận điểm mới của luận án; đánh giá thành công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung và chất lượng luận án; làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo; nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Viện trưởng tổ chức cuộc họp đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp Viện

với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng hợp ít nhất 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Viện trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung và chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 39. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định và không có yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa của Hội đồng thẩm định, Viện trưởng thực hiện việc cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Đối với luận án đạt yêu cầu thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc của Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa thì Hội đồng đánh giá luận án cấp viện cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Viện trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh theo các yêu cầu quy định tại Điều 40 và Điều 41 của Quy định này.

3. Đối với luận án không đạt yêu cầu tại Hội đồng thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định tại Điều 35 của Quy định này;

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

4. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Viện bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

5. Trong thời gian không quá hai tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Viện có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại các khoản 2, 3, 4

Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh của kỳ tiếp theo (nếu có) theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Quy định này.

6. Viện có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp; có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của Viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, Viện phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 40. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Viện lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp viện, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận, kể cả trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 39 của Quy định này (nếu có);

c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Quy định này. Nếu là trường hợp cần thẩm định thì phải đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 37, khoản 3 Điều 38 của Quy định này.

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn văn luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa), kể cả các luận án bảo vệ theo chế độ mật và các luận án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

2. Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn bản luận án đã được bổ sung, sửa chữa (nếu có) theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện;

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp Viện, đóng quyển cùng với luận án, bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện và danh sách thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng.

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp Viện, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp Viện.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi;

b) Nghị quyết của Hội đồng;

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng;

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá;

đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh;

e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ;

g) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam;

h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ (trừ những luận án bảo vệ theo chế độ mật);

i) Bản in trang thông tin Những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận và thực tiễn của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

k) Các tài liệu khác theo quy định của Viện trưởng.

Hồ sơ cấp bằng tiến sĩ phải được lưu trữ lâu dài tại Viện Khoa học giáo dục Việt Nam.

Điều 41. Cấp bằng tiến sĩ

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét, tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm hồ sơ của các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của các luận án đã đạt yêu cầu thẩm định theo quy định tại khoản 2, 3 và 4 Điều 39 của Quy định này.

2. Viện trưởng có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Viện để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA
VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 42. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ luận án có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo qui định của Luật khiếu nại, tố cáo. Trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo qui định tại các khoản 4, 5, 6 và 9 Điều 37 và Điều 38 của Qui định này.

Điều 43. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện theo các qui định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh; công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo; chương trình và qui trình đào tạo; qui trình tổ chức đánh giá luận án các cấp; việc cấp bằng tiến sĩ của Viện trưởng; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của Viện. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản cho Viện.

Điều 44. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm dừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các qui định tại khoản 9 Điều 24 của Qui định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Người tiết lộ thông tin về người phản biện độc lập trong quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập sẽ bị xem xét kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị Viện xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

4. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các qui định tại Điều 22, Điều 23 của Qui định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

VIỆN TRƯỞNG